

BỘ TÀI CHÍNH
HĐT THẨM ĐỊNH VIÊN VỀ GIÁ

DANH SÁCH CẤP THẺ THẨM ĐỊNH VIÊN VỀ GIÁ KỲ THI LẦN THỨ IX NĂM 2014
(Kèm theo Quyết định số 69/QĐ-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán/QT	Số Thẻ TĐV	Số CMT/HC	Ngày Cấp CMT	Nơi cấp CMND
1	Võ Xuân An	10/10/1975	Bình Định	IX14.1039	025165820	09/10/2009	CA TP Hồ Chí Minh
2	Nguyễn Lan Anh	13/07/1975	Thái Bình	IX14.1040	011888033	04/05/2010	CA TP Hà Nội
3	Nguyễn Thị Diệp Anh	26/12/1989	Hải Phòng	IX14.1041	031516219	15/01/2010	CA TP Hải Phòng
4	Đinh Đức Anh	29/11/1980	Hà Nam	IX14.1042	271347241	10/06/2011	CA Tỉnh Đồng Nai
5	Nguyễn Tú Anh	10/05/1978	Long An	IX14.1043	271256547	12/07/2012	CA Tỉnh Đồng Nai
6	Hoàng Lê Anh	15/09/1972	Bắc Giang	IX14.1044	121101459	21/10/2005	CA Tỉnh Bắc Giang
7	Bùi Hồng Ánh	25/10/1961	Hưng Yên	IX14.1045	011986389	24/09/2011	CA TP Hà Nội
8	Bùi Hữu Án	26/07/1987	Nam Định	IX14.1046	162836138	26/07/2013	CA Tỉnh Nam Định
9	Vũ Văn Ân	02/07/1978	Hà Nam	IX14.1047	013088710	29/07/2008	CA TP Hà Nội
10	Nguyễn Đình Linh Bảo	19/05/1984	Quảng Nam	IX14.1048	205182460	16/08/2001	CA Tỉnh Quảng Nam
11	Trần Thanh Bảo	17/09/1979	Bình Định	IX14.1049	211637015	20/06/1997	CA Tỉnh Bình Định
12	Vũ Thị Báu	19/04/1983	Thái Bình	IX14.1050	012266515	04/04/2013	CA TP Hà Nội
13	Trần Văn Bắc	17/01/1980	Vĩnh Phúc	IX14.1051	135029395	26/01/2013	CA Tỉnh Vĩnh Phúc
14	Nguyễn Quang Bình	24/10/1975	Bắc Ninh	IX14.1052	013410005	28/03/2011	CA TP Hà Nội
15	Nguyễn Thanh Bình	06/04/1986	Long An	IX14.1053	025229203	09/03/2010	CA TP Hồ Chí Minh
16	Trần Quốc Bình	28/10/1978	Hà Nam	IX14.1054	012033205	08/12/2010	CA TP Hà Nội
17	Nguyễn Ngọc Bích	19/05/1970	Hà Nam	IX14.1055	271712194	10/08/2001	CA Tỉnh Đồng Nai
18	Nguyễn Thị Ngọc Bích	01/10/1990	Thái Bình	IX14.1056	151775252	27/01/2005	CA Tỉnh Thái Bình
19	Nguyễn Minh Châu	14/02/1985	Bình Định	IX14.1057	025355719	23/12/2011	CA TP Hồ Chí Minh
20	Lê Ngọc Chi	12/07/1980	Tiền Giang	IX14.1058	001180001928	12/06/2014	Cục CS ĐKQL Cư trú và DLQG về DC
21	Nguyễn Đình Chuẩn	11/11/1981	Nghệ An	IX14.1059	017123805	11/05/2010	CA TP Hà Nội

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán/QT	Số Thẻ TĐV	Số CMT/HC	Ngày Cấp CMT	Nơi cấp CMND
22	Mai Văn Công	01/01/1984	Thanh Hóa	IX14.1060	172704931	08/12/2009	CA Tỉnh Thanh Hóa
23	Vũ Minh Cường	06/11/1984	Ninh Bình	IX14.1061	164172865	20/09/2011	CA Tỉnh Ninh Bình
24	Đinh Mạnh Cường	01/10/1982	Hà Nam	IX14.1062	012051370	15/06/2013	CA TP Hà Nội
25	Đoàn Văn Cường	12/09/1979	Hải Dương	IX14.1063	013189259	15/05/2009	CA TP Hà Nội
26	Lê Viết Cường	06/04/1978	Hà Tĩnh	IX14.1064	183244988	02/12/2002	CA Tỉnh Hà Tĩnh
27	Nguyễn Huy Cường	28/06/1979	Hưng Yên	IX14.1065	031032061	15/09/2004	CA TP Hải Phòng
28	Nguyễn Văn Cường	31/03/1982	Thái Bình	IX14.1066	013617876	01/04/2013	CA TP Hà Nội
29	Trịnh Minh Cường	13/08/1985	Thanh Hóa	IX14.1067	017428947	10/01/2013	CA TP Hà Nội
30	Trần Khánh Du	30/12/1985	Bình Định	IX14.1068	240824223	30/05/2013	CA Tỉnh Đắk Lắk
31	Vũ Duy	13/05/1986	Vĩnh Phúc	IX14.1069	012410112	13/06/2013	CA TP Hà Nội
32	Dương Tiến Dũng	10/11/1981	Thanh Hóa	IX14.1070	172505316	01/01/2000	CA Tỉnh Thanh Hóa
33	Đinh Văn Dũng	19/04/1985	Nghệ An	IX14.1071	272461494	30/05/2011	CA Tỉnh Đồng Nai
34	Đỗ Trí Dũng	12/01/1978	Bắc Giang	IX14.1072	012980105	24/05/2007	CA TP Hà Nội
35	Hàn Chí Dũng	08/04/1980	Thanh Hóa	IX14.1073	171774034	20/11/2006	CA Tỉnh Thanh Hóa
36	Nguyễn Tiến Dũng	25/12/1987	Hưng Yên	IX14.1074	145284894	27/02/2013	CA Tỉnh Hưng Yên
37	Nguyễn Quốc Dũng	27/08/1970	Nghệ An	IX14.1075	012677937	08/04/2004	CA TP Hà Nội
38	Nguyễn Phúc Dũng	14/10/1989	Quảng Ninh	IX14.1076	100993513	30/03/2012	CA Tỉnh Quảng Ninh
39	Nguyễn Văn Dũng	20/08/1984	Hà Nam	IX14.1077	168116705	24/11/2010	CA Tỉnh Hà Nam
40	Lê Hùng Dũng	14/01/1987	Thái Bình	IX14.1078	261058975	30/05/2003	CA Tỉnh Bình Thuận
41	Lê Việt Dũng	08/11/1976	Thái Bình	IX14.1079	012983741	14/07/2007	CA TP Hà Nội
42	Tăng Hùng Dũng	22/09/1954	Cà Mau	IX14.1080	370006374	03/03/2005	CA Tỉnh Kiên Giang
43	Võ Đình Dũng	01/01/1978	Quảng Nam	IX14.1081	024567329	14/01/2011	CA TP Hồ Chí Minh
44	Võ Tấn Dũng	28/10/1978	Quảng Ngãi	IX14.1082	024992608	25/08/2008	CA TP Hồ Chí Minh
45	Nguyễn Hà Nhi Duyên	01/07/1984	Bình Định	IX14.1083	025661910	07/01/2013	CA TP Hồ Chí Minh
46	Phạm Hiền Duyên	12/04/1979	Thừa Thiên Huế	IX14.1084	023381999	28/06/2014	CA TP Hồ Chí Minh
47	Đoàn Thị Thùy Dương	06/12/1981	Thái Bình	IX14.1085	012145213	16/05/2013	CA TP Hà Nội
48	Lại Trường Dương	15/05/1985	Thanh Hóa	IX14.1086	012469919	09/12/2008	CA TP Hà Nội

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán/QT	Số Thẻ TĐV	Số CMT/HC	Ngày Cấp CMT	Nơi cấp CMND
49	Nguyễn Hoàng Đạt	30/08/1981	Hà Nội	IX14.1087	012186525	07/12/1998	CA TP Hà Nội
50	Nguyễn Đình Đề	15/06/1987	Hà Nội	IX14.1088	112027410	31/01/2013	CA TP Hà Nội
51	Bùi Đăng Định	13/07/1980	Hung Yên	IX14.1089	012729271	26/07/2004	CA TP Hà Nội
52	Dương Hồng Diệp	05/10/1979	Hung Yên	IX14.1090	013001885	28/09/2007	CA TP Hà Nội
53	Ngô Đức Đoàn	15/09/1957	Hung Yên	IX14.1091	011129512	17/11/2010	CA TP Hà Nội
54	Bùi Tuấn Đôn	18/01/1983	Nam Định	IX14.1092	012366848	11/08/2000	CA TP Hà Nội
55	Trần Đức Đông	20/04/1982	Ninh Bình	IX14.1093	037082000033	25/10/2013	Cục CS ĐKQL Cư trú và DLQG về DC
56	Nguyễn Chí Đức	09/07/1983	Hà Nội	IX14.1094	012259351	11/01/2010	CA TP Hà Nội
57	Nguyễn Minh Đức	23/10/1986	Quảng Ninh	IX14.1095	013660837	05/12/2013	CA TP Hà Nội
58	Vương Thị Giang	25/12/1979	Hải Dương	IX14.1096	012631270	14/05/2011	CA TP Hà Nội
59	Nguyễn Thị Hà	22/11/1979	Hải Dương	IX14.1097	012051859	14/03/2009	CA TP Hà Nội
60	Nguyễn Lê Thu Hà	26/01/1961	Hà Nội	IX14.1098	001161001929	17/11/2014	Cục CS ĐKQL Cư trú và DLQG về DC
61	Nguyễn Thị Thanh Hà	14/04/1976	Nam Định	IX14.1099	164016459	30/05/2007	CA Tỉnh Ninh Bình
62	Ngô Hoàng Hà	23/08/1989	Hung Yên	IX14.1100	142493377	23/08/2007	CA Tỉnh Hải Dương
63	Trần Mạnh Hà	19/08/1983	Hà Tĩnh	IX14.1101	271578210	16/06/2005	CA Tỉnh Đồng Nai
64	Trần Việt Hà	20/02/1976	Hà Nội	IX14.1102	011914057	10/03/2012	CA TP Hà Nội
65	Vũ Hà	16/02/1976	Thái Bình	IX14.1103	013088032	18/03/2014	CA TP Hà Nội
66	Bùi Thanh Hải	24/04/1980	Hung Yên	IX14.1104	012825054	24/03/2011	CA TP Hà Nội
67	Lê Minh Hải	08/12/1983	Nghệ An	IX14.1105	012106788	01/06/2013	CA TP Hà Nội
68	Lê Trung Hải	11/08/1975	Hà Tĩnh	IX14.1106	240501224	06/06/2008	CA Tỉnh Đắk Lắk
69	Nguyễn Hoàng Hải	17/08/1978	Thanh Hóa	IX14.1107	011942746	29/06/2010	CA TP Hà Nội
70	Nguyễn Viết Hành	27/01/1973	Quảng Bình	IX14.1108	194231705	30/07/2001	CA Tỉnh Quảng Bình
71	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	17/07/1985	Nam Định	IX14.1109	162498397	05/12/2000	CA Tỉnh Nam Định
72	Nguyễn Thị Thúy Hạnh	12/09/1986	Bắc Ninh	IX14.1110	013357041	21/09/2010	CA TP Hà Nội
73	Nguyễn Thụy Ngọc Hạnh	01/04/1983	TP. Hồ Chí Minh	IX14.1111	023635534	17/08/2010	CA TP Hồ Chí Minh

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán/QT	Số Thẻ TĐV	Số CMT/HC	Ngày Cấp CMT	Nơi cấp CMND
74	Trần Thị Thu Hằng	09/09/1987	Thái Bình	IX14.1112	012754163	17/12/2004	CA TP Hà Nội
75	Lê Thị Thu Hiền	06/11/1974	Thanh Hóa	IX14.1113	012805091	24/06/2005	CA TP Hà Nội
76	Phạm Hữu Hiền	14/12/1987	TP. Hồ Chí Minh	IX14.1114	024305706	25/07/2007	CA TP Hồ Chí Minh
77	Phạm Văn Hiện	12/11/1964	Nam Định	IX14.1115	012408337	27/02/2001	CA TP Hà Nội
78	Lê Đức Hiệp	19/02/1980	Hà Nội	IX14.1116	012019039	27/12/2001	CA TP Hà Nội
79	Nguyễn Trọng Hiếu	21/06/1986	TP. Hồ Chí Minh	IX14.1117	023897482	10/03/2010	CA TP Hồ Chí Minh
80	Lê Thị Hòa	27/07/1958	Hải Phòng	IX14.1118	011133609	29/10/2001	CA TP Hà Nội
81	Nguyễn Huy Hoàng	14/12/1975	Hà Nội	IX14.1119	011881800	21/04/2011	CA TP Hà Nội
82	Phạm Nguyễn Kim Hồng	15/11/1976	Bình Dương	IX14.1120	024884964	05/05/2008	CA TP Hồ Chí Minh
83	Trần Thị Ánh Hồng	04/07/1984	Hà Tây	IX14.1121	111869253	23/07/2007	CA Tỉnh Hà Tây
84	Đinh Việt Hùng	30/08/1983	Quảng Ninh	IX14.1122	013662567	09/10/2013	CA TP Hà Nội
85	Nguyễn Đoàn Hùng	10/12/1972	Nam Định	IX14.1123	001072001599	22/07/2014	Cục CS ĐKQL Cư trú và DLQG về DC
86	Nguyễn Mạnh Hùng	29/11/1984	Ninh Bình	IX14.1124	012380269	29/05/2010	CA TP Hà Nội
87	Nguyễn Văn Hùng	03/04/1961	Hải Dương	IX14.1125	031242126	05/11/1999	CA TP Hải Phòng
88	Trần Việt Hùng	28/01/1978	Hà Nội	IX14.1126	011914058	27/04/2010	CA TP Hà Nội
89	Nguyễn Quang Huy	18/04/1980	Nghệ An	IX14.1127	013367684	30/12/2010	CA TP Hà Nội
90	Nguyễn Văn Huy	20/03/1985	Nghệ An	IX14.1128	013459465	24/09/2011	CA TP Hà Nội
91	Tạ Quốc Huy	29/10/1989	Thái Bình	IX14.1129	151735580	23/06/2004	CA Tỉnh Thái Bình
92	Đoàn Tiến Hưng	05/10/1980	Vĩnh Phúc	IX14.1130	013519317	28/03/2012	CA TP Hà Nội
93	Nguyễn Tiến Hưng	13/03/1974	Hải Phòng	IX14.1131	100731738	21/03/2008	CA Tỉnh Quảng Ninh
94	Lê Thị Mai Hương	12/10/1985	Hải Phòng	IX14.1132	031335216	31/08/2001	CA TP Hải Phòng
95	Phạm Thị Thu Hường	06/01/1985	Hải Dương	IX14.1133	142225193	25/07/2006	CA Tỉnh Hải Dương
96	Trần Văn Hường	06/06/1986	Hà Nam	IX14.1134	168179040	07/12/2009	CA Tỉnh Hà Nam
97	Đỗ Khắc Hưởng	22/01/1976	Hưng Yên	IX14.1135	013017557	07/10/2010	CA TP Hà Nội
98	Tào Quang Khiêm	31/12/1983	Bình Định	IX14.1136	240736261	30/11/2007	CA Tỉnh Đắk Lắk
99	Võ Trọng Kiên	25/12/1980	Nghệ An	IX14.1137	182261638	17/02/2012	CA Tỉnh Nghệ An

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán/QT	Số Thẻ TĐV	Số CMT/HC	Ngày Cấp CMT	Nơi cấp CMND
100	Nguyễn Trương Ngọc Kim	08/06/1982	Kiên Giang	IX14.1138	025014964	07/03/2009	CA TP Hồ Chí Minh
101	Lê Thị Lai	01/03/1960	Hà Tĩnh	IX14.1139	010451498	10/10/2007	CA TP Hà Nội
102	Đoàn Minh Lâm	08/02/1983	Nam Định	IX14.1140	162562370	01/02/2001	CA Tỉnh Nam Định
103	Nguyễn Thanh Lịch	30/08/1979	Hưng Yên	IX14.1141	013016249	18/10/2010	CA TP Hà Nội
104	Phan Thế Linh	17/06/1979	Quảng Bình	IX14.1142	031878388	26/08/2011	CA TP Hải Phòng
105	Vũ Khánh Linh	28/04/1981	Hà Nội	IX14.1143	013640395	17/05/2013	CA TP Hà Nội
106	Hà Minh Long	11/11/1979	Thanh Hóa	IX14.1144	013017447	27/10/2007	CA TP Hà Nội
107	Lê Huy Long	25/01/1982	Hải Phòng	IX14.1145	031082000022	23/09/2013	Cục CS ĐKQL Cư trú và DLQG về DC
108	Hoàng Bích Loan	11/05/1964	Nam Định	IX14.1146	030651681	10/07/2002	CA TP Hải Phòng
109	Huỳnh Cẩm Loan	23/07/1981	Long An	IX14.1147	023437137	11/07/2011	CA TP Hồ Chí Minh
110	Huỳnh Ngọc Loan	07/05/1987	Trung Quốc	IX14.1148	023966263	07/11/2011	CA TP Hồ Chí Minh
111	Lê Thị Loan	26/12/1975	Nghệ An	IX14.1149	025175000028	02/06/2014	Cục CS ĐKQL Cư trú và DLQG về DC
112	Huỳnh Thị Xuân Lộc	10/04/1981	Quảng Ngãi	IX14.1150	212147126	07/05/2014	CA Tỉnh Quảng Ngãi
113	Lê Quý Lộc	17/03/1984	Thanh Hóa	IX14.1151	013631126	10/04/2013	CA TP Hà Nội
114	Vũ Xuân Mạnh	08/09/1980	Hưng Yên	IX14.1152	012056567	09/04/2012	CA TP Hà Nội
115	Hồ Bình Minh	10/03/1985	Đà Nẵng	IX14.1153	201525816	04/03/2003	CA TP Đà Nẵng
116	Nguyễn Trường Minh	12/01/1984	Thái Bình	IX14.1154	113176006	17/09/2012	CA Tỉnh Hòa Bình
117	Phạm Công Minh	05/04/1977	Thái Bình	IX14.1155	013453127	16/07/2011	CA TP Hà Nội
118	Phạm Hà Minh	17/10/1982	Hà Tĩnh	IX14.1156	001082001379	28/02/2014	Cục CS ĐKQL Cư trú và DLQG về DC
119	Vũ Thị Hồng Minh	19/05/1984	Hà Nội	IX14.1157	B8737981	22/01/2014	Cục Quản lý xuất nhập cảnh
120	Hồ Hữu Nam	10/12/1986	Nghệ An	IX14.1158	280890588	17/10/2007	CA Tỉnh Bình Dương
121	Nguyễn Minh Nam	10/03/1979	Tuyên Quang	IX14.1159	012910266	28/06/2013	CA TP Hà Nội
122	Đặng Thị Phương Nga	12/11/1979	Cao Bằng	IX14.1160	011912389	29/03/2012	CA TP Hà Nội
123	Lê Huỳnh Nga	21/10/1983	Vĩnh Long	IX14.1161	361909292	13/12/2010	CA TP Cần Thơ

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán/QT	Số Thẻ TĐV	Số CMT/HC	Ngày Cấp CMT	Nơi cấp CMND
124	Lê Thị Thanh Nga	02/05/1979	Hà Nam	IX14.1162	013176279	01/04/2009	CA TP Hà Nội
125	Cao Kim Ngân	10/07/1974	Hà Nội	IX14.1163	011763713	07/07/2010	CA TP Hà Nội
126	Trần Nghiêm	04/10/1983	Hà Tĩnh	IX14.1164	023730501	15/12/2011	CA TP Hồ Chí Minh
127	Nguyễn Minh Ngọc	01/02/1986	Bình Định	IX14.1165	233073145	26/02/2001	CA Tỉnh Kon Tum
128	Lê Bảo Ngọc	23/01/1986	Hà Nội	IX14.1166	070740177	25/03/2004	CA Tỉnh Tuyên Quang
129	Tổng Thành Nguyên	18/07/1969	Hà Tĩnh	IX14.1167	011775678	10/05/2012	CA TP Hà Nội
130	Nguyễn Thị Nguyệt	09/11/1978	Nghệ An	IX14.1168	011934723	26/10/2011	CA TP Hà Nội
131	Nguyễn Văn Nhật	18/10/1983	Nam Định	IX14.1169	162408462	01/03/1999	CA Tỉnh Nam Định
132	Trần Việt Nhật	10/02/1986	Hà Tĩnh	IX14.1170	183425466	28/11/2012	CA Tỉnh Hà Tĩnh
133	Nguyễn Thanh Nhó	02/03/1983	Bình Định	IX14.1171	211765019	08/02/2007	CA Tỉnh Bình Định
134	Lê Đoàn Quốc Phong	14/03/1989	Quảng Trị	IX14.1172	271901489	19/07/2004	CA Tỉnh Đồng Nai
135	Nguyễn Đình Phong	22/01/1985	Bắc Ninh	IX14.1173	125114008	19/03/2009	CA Tỉnh Bắc Ninh
136	Vũ Xuân Phong	15/03/1986	Hà Nam	IX14.1174	168205623	01/04/2004	CA Tỉnh Hà Nam
137	Võ Thanh Phúc	31/05/1984	TP. Hồ Chí Minh	IX14.1175	023949954	11/03/2002	CA TP Hồ Chí Minh
138	Bùi Tuấn Phương	08/11/1984	Hà Tĩnh	IX14.1176	012224166	09/08/2011	CA TP Hà Nội
139	Hồ Nguyễn Ngọc Phương	13/07/1983	Nghệ An	IX14.1177	271535404	02/08/2014	CA Tỉnh Đồng Nai
140	Lê Nguyễn Quang Phương	01/01/1979	Quảng Ngãi	IX14.1178	225073575	05/11/2011	CA Tỉnh Khánh Hòa
141	Ngô Văn Phương	31/12/1982	Hà Nội	IX14.1179	012132970	24/03/2008	CA TP Hà Nội
142	Nguyễn Thị Phương	20/01/1977	Nghệ An	IX14.1180	272219966	05/01/2008	CA Tỉnh Đồng Nai
143	Phạm Thị Phương	04/10/1984	Hải Dương	IX14.1181	030184000125	04/07/2014	Cục CS ĐKQL Cư trú và DLQG về DC
144	Mai Thị Phụng	13/06/1981	Thanh Hóa	IX14.1182	013201275	29/05/2009	CA TP Hà Nội
145	Diệp Năng Quang	04/07/1974	TP. Hồ Chí Minh	IX14.1183	022948536	19/05/2012	CA TP Hồ Chí Minh
146	Khoa Năng Quang	03/10/1978	Hải Phòng	IX14.1184	031002598	18/07/2003	CA TP Hải Phòng
147	Tạ Hồng Quang	27/10/1978	Thái Bình	IX14.1185	025773025	27/09/2013	CA TP Hồ Chí Minh
148	Nguyễn Văn Quảng	23/10/1989	Hải Dương	IX14.1186	142502322	31/08/2005	CA TP Hải Dương
149	Phùng Thị Minh Quý	30/04/1983	Thanh Hóa	IX14.1187	012265808	20/09/1999	CA TP Hà Nội

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán/QT	Số Thẻ TĐV	Số CMT/HC	Ngày Cấp CMT	Nơi cấp CMND
150	Lê Huy Sơn	06/12/1987	Hải Dương	IX14.1188	142240068	21/05/2002	CA Tỉnh Hải Dương
151	Võ Hoàn Sơn	30/04/1982	Bình Định	IX14.1189	272579988	19/03/2013	CA Tỉnh Đồng Nai
152	Lê Khắc Tánh	28/06/1982	Quảng Trị	IX14.1190	260864287	17/02/2011	CA Tỉnh Bình Thuận
153	Nguyễn Nhật Thanh	23/04/1982	Tiền Giang	IX14.1191	025279791	31/03/2010	CA TP Hồ Chí Minh
154	Khương Tất Thành	03/04/1976	Hà Tây	IX14.1192	012921992	29/12/2006	CA TP Hà Nội
155	Vũ Văn Thành	02/09/1978	Hà Nam	IX14.1193	013016248	13/10/2007	CA TP Hà Nội
156	Phạm Trí Thành	25/01/1981	Vĩnh Phúc	IX14.1194	B4422699	01/09/2010	Cục Quản lý xuất nhập cảnh
157	Lê Đức Thân	14/11/1979	Hung Yên	IX14.1195	145001785	31/07/2014	CA Tỉnh Hưng Yên
158	Ngô Phương Thảo	27/12/1967	Quảng Ngãi	IX14.1196	024130456	29/07/2013	CA TP Hồ Chí Minh
159	Nguyễn Nam Thắng	13/06/1979	Hà Nam	IX14.1197	168391733	28/12/2008	CA Tỉnh Hà Nam
160	Nguyễn Ngọc Thắng	30/06/1978	Hung Yên	IX14.1198	012702813	21/05/2004	CA TP Hà Nội
161	Vũ Đức Thắng	07/07/1982	Thái Bình	IX14.1199	151290491	30/06/2003	CA Tỉnh Thái Bình
162	Nguyễn Thị Kim Thoa	04/03/1983	Nam Định	IX14.1200	013268174	04/02/2010	CA TP Hà Nội
163	Cao Văn Thọ	01/10/1989	Nam Định	IX14.1201	162911219	26/04/2005	CA Tỉnh Nam Định
164	Nguyễn Văn Thọ	08/04/1978	Thái Bình	IX14.1202	013020365	20/11/2007	CA TP Hà Nội
165	Nguyễn Thiện Thông	19/08/1980	Nghệ An	IX14.1203	013625818	13/04/2013	CA TP Hà Nội
166	Phạm Thị Thúy	03/08/1988	Hải Dương	IX14.1204	142396677	11/08/2010	CA Tỉnh Hải Dương
167	Dao Danny Dang Thuyet	09/05/1972	Australian	IX14.1205	E4113951	25/09/2013	Australia
168	Bùi Thị Kim Thủy	03/01/1964	Hà Nội	IX14.1206	011732030	24/09/2008	CA TP Hà Nội
169	Dương Thị Thu Thủy	02/01/1984	Quảng Nam	IX14.1207	B8398762	29/08/2013	Cục Quản lý xuất nhập cảnh
170	Nguyễn Như Tiến	06/06/1974	Hà Nội	IX14.1208	011700807	11/10/2005	CA TP Hà Nội
171	Tăng Thái Bích Toàn	28/10/1986	Cà Mau	IX14.1209	371076995	27/01/2014	CA Tỉnh Kiên Giang
172	Đặng Anh Tuấn	30/05/1980	Thái Bình	IX14.1210	013107662	29/07/2008	CA TP Hà Nội
173	Đỗ Minh Tuấn	17/03/1986	Hà Nội	IX14.1211	111959418	04/05/2005	CA Tỉnh Hà Tây
174	Nguyễn Quốc Việt Tuấn	02/08/1979	Quảng Ngãi	IX14.1212	024237361	09/11/2007	CA TP Hồ Chí Minh
175	Trần Minh Tuấn	19/09/1986	Hà Tĩnh	IX14.1213	025823345	08/03/2014	CA TP Hồ Chí Minh

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán/QT	Số Thẻ TĐV	Số CMT/HC	Ngày Cấp CMT	Nơi cấp CMND
176	Lê Thị Ngọc Tuệ	26/03/1984	Bình Định	IX14.1214	230610691	31/03/2011	CA Tỉnh Gia Lai
177	Khuông Thanh Tùng	27/10/1986	Nam Định	IX14.1215	162701962	01/11/2002	CA Tỉnh Nam Định
178	Nguyễn Thanh Tùng	15/01/1963	Hải Dương	IX14.1216	012184194	10/05/2012	CA TP Hà Nội
179	Trần Thị Cẩm Tú	10/03/1987	Long An	IX14.1217	273413748	28/08/2007	CA Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
180	Đỗ Thị Ánh Tuyết	15/05/1964	Hà Nội	IX14.1218	011784849	07/12/2000	CA TP Hà Nội
181	Nguyễn Hữu Trang	03/11/1980	Hà Nam	IX14.1219	035080000091	13/08/2014	Cục CS ĐKQL Cư trú và DLQG về DC
182	Mai Văn Trọng	13/03/1986	Nam Định	IX14.1220	025815444	02/10/2013	CA TP Hồ Chí Minh
183	Lê Quốc Trung	10/03/1978	Hà Tĩnh	IX14.1221	012103262	03/06/2004	CA TP Hà Nội
184	Trương Quang Trung	24/01/1982	Quảng Ngãi	IX14.1222	233049417	14/10/2010	CA Tỉnh Kon Tum
185	Đặng Xuân Trường	27/03/1977	Thái Bình	IX14.1223	001077000214	14/01/2013	Cục CS QLHC về TTXH
186	Nguyễn Xuân Trường	02/06/1975	Bình Định	IX14.1224	025076673	03/03/2009	CA TP Hồ Chí Minh
187	Lê Hồng Tư	02/09/1972	Thanh Hóa	IX14.1225	273187288	11/09/2001	CA Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
188	Nguyễn Thị Hồng Vân	19/09/1978	Nam Định	IX14.1226	023166178	12/06/2008	CA TP Hồ Chí Minh
189	Lê Thị Hải Vân	01/12/1988	Thanh Hóa	IX14.1227	173372815	25/03/2006	CA Tỉnh Thanh Hóa
190	Nguyễn Thị Diệu Vi	03/01/1982	Quảng Nam	IX14.1228	205206994	16/05/2002	CA Tỉnh Quảng Nam
191	Phùng Hải Vinh	09/03/1981	Nghệ An	IX14.1229	013145579	20/03/2014	CA TP Hà Nội
192	Nguyễn Ái Việt	01/05/1980	Hải Phòng	IX14.1230	031116616	06/12/2013	CA TP Hải Phòng
193	Bùi Văn Vương	31/03/1978	Hải Dương	IX14.1231	013191227	08/05/2009	CA TP Hà Nội
194	Nguyễn Thị Hải Yến	03/11/1987	Nghệ An	IX14.1232	186422771	31/05/2004	CA Tỉnh Nghệ An

BỘ TÀI CHÍNH